|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THCS ……………… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TỔ KHOA HỌC XÃ HỘI** | **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc** |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ, LỚP 6- Phân môn Địa Lí (bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống)**

**NĂM HỌC 2023 - 2024**

**I. Đặc điểm tình hình**

1. Số lớp 6: …..; Số học sinh lớp 6: ….;  Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có):……………

2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: … ;  Trình độ đào tạo: Cao đẳng: … Đại học:…; Trên đại học:…

3. Thiết bị dạy học:*(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thiết bị dạy học** | **Số lượng** | **Các bài thí nghiệm/thực hành** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |

**II. Kế hoạch dạy học**

**1. Phân phối chương trình**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** |
| 1 | Bài mở đầu | **1** | - Hiểu được tầm quan trọng của việc nắm vững các khái niệm cơ bản, các kĩ năng địa lí trong học tập và trong sinh hoạt. - Biết được các nội dung cơ bản của phân môn Địa lí 6.- Hiểu được ý nghĩa và sự lí thú của việc học môn Địa lí. Hiểu được rằng môn Địa lí gắn với cuộc sống thực tế, lí giải được các hiện tượng của tự nhiên và đời sống xã hội. - Nêu được vai trò của Địa lí trong cuộc sống.-Yêu thích môn học, thích tìm hiểu các sự vật, hiện tượng địa lí. |
| 2 | Bài 1: Hệ thống kinh, vĩ tuyến. Tọa độ địa lí | **2** | - Biết được thế nào là KT, VT, KT gốc, VT gốc, các bán cầu - Xác định trên bản đồ và quả địa cầu: KT gốc, Xích đạo, các bán cầu. - Biết sử dụng quả địa cầu để nhận biết các kinh tuyến, vĩ tuyến, kinh tuyến gốc, vĩ tuyến gốc, bán cầu đông, bán cầu tây, bán cầu bắc, Nam.Đọc và ghi và xác định được toạ độ địa lí của một điểm trên quả địa cầu và trên bản đồ |
| 3 | Bài 2: Bản đồ. Một số lưới kinh, vĩ tuyến. Phương hướng trên bản đồ | **1** | - Hiểu được khái niệm bản đồ, các yếu tố cơ bản của bản đồ. - Nhận biết được một số lưới kinh, vĩ tuyến của bản đồ TG. - Nêu được sự cần thiết của bản đồ trong học tập và Đ/S.- Xác định được phương hướng trên bản đồ;- So sánh được sự khác nhau giữa các lưới kinh, vĩ tuyến của bản đồ thế giới. |
| 4 | Bài 3: Tỉ lệ bản đồ. Tính khoảng cách thực tế dựa vào tỉ lệ bản đồ | **1** | - Trình bày được khái niệm đơn giản về tỉ lệ bản đồ, ý nghĩa của tỉ lệ bản đồ.- Phân biệt được số tỉ lệ và thước tỉ lệ.- Tính khoảng cách thực tế giữa 2 điểm dựa vào tỉ lệ bản đồ.  |
| 5 | Bài 4: Kí hiệu và bảng chú giải bản đồ. Tìm đường đi trên bản đồ.  | **2** | - Nhận biết và đọc được các loại kí hiệu và bảng chú giải trên bản đồ hành chính và bản đồ địa hình.- Đọc, xác định vị trí của đối tượng địa lí trên bản đồ.- Đọc được một số bản đồ thông dụng, tìm đường đi trên bản đồ giấy và Google Maps.   |
| 6 | Bài 5: Lược đồ trí nhớ | **1** | - Trình bày được khái niệm lược đồ trí nhớ, cách vẽ lược đồ trí nhớ đường đi và khu vực.- Vẽ được lược đồ trí nhớ về một số đối tượng địa lí thân quen.- Giúp các em thêm gắn bó với không gian Địa Lí thân quen, yêu trường lớp, yêu quê hương. |
| *7* | Bài 6: Trái Đất trong hệ Mặt Trời | **1** | - Trình bày được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời.- Mô tả được hình dạng, kích thước của Trái Đất.- Quan sát các hiện tượng trong thực tế để biết được hình dạng của Trái Đất.- Khơi dậy ham muốn tìm hiểu, yêu quý và bảo vệ Trái Đất. |
| *8* | Bài 7: Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất và hệ quả |  **2** | - Sử dụng quả địa cầu mô tả được chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất: hướng tự quay, góc nghiêng, thời gian.- Trình bày được các hệ quả của chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất: ngày đêm luân phiên nhau.- Trình bày được các hệ quả của chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất:giờ trên Trái Đất, sự lệch hướng chuyển động của các vật thể theo chiều kinh tuyến.- So sánh được giờ của hai địa điểm trên Trái Đất.- Tôn trọng và thích ứng quy luật của tự nhiên: Quy luật ngày đêm… |
| 9 | Bài 8: Chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời và hệ quả | **2** | - Mô tả được chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời: Hình dạng, hướng chuyển động, thời gian, góc nghiêng…- Biết dùng quả địa cầu và mô hình hoặc hình vẽ Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời để trình bày chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời.- Trình bày được hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa và theo vĩ độ.- Mô tả được hiện tượng mùa: mùa ở các vùng vĩ độ và các bán cầu.- Biết cách thích ứng với thời tiết của từng mùa.- Tôn trọng các quy luật của tự nhiên: Quy luật các mùa… yêu thiên nhiên, cảnh vật các mùa. |
| 10 | Bài 9: Xác định phương hướng ngoài thực tế | **1** | - Có hiểu biết cơ bản nhất về la bàn và phương hướng ngoài thực tế.- Xác định được phương hướng dựa vào la bàn hoặc quan sát hiện tượng tự nhiên. - Xây dựng được kế hoạch học tập thực địa.- Biết quan sát và sử dụng các hiện tượng thiên nhiên phục vụ cho cuộc sống hàng ngày. Gần gũi gắn bó với thiên nhiên. |
| 11 | Bài 10: Cấu tạo của Trái Đất. Các mảng kiến tạo | **1** | - Trình bày được cấu tạo của Trái Đất gồm ba lớp: vỏ Trái Đất, man-ti và nhân. Mỗi lớp có đặc điểm riêng (độ dày, trạng thái, nhiệt độ). - Nêu được đặc điểm cấu tạo, tác động của các mảng kiến tạo trên Trái Đất.- Xác định được trên lược đồ các mảng kiến tạo lớn của vỏ Trái Đất và tên các cặp địa mảng xổ vào nhau.- Sử dụng hình ảnh để xác định được cấu tạo bên trong của Trái Đất.- Giúp các em yêu khoa học, ham học hỏi tìm tòi. |
| 12 | Ôn tập giữa học kì I | **1** | - HS nắm được hệ thống kiến thức đã học dựa trên hệ thống câu hỏi GV đưa ra ..- Phát huy khả năng sáng tạo, tiếp thu kiến thức một cách có hệ thống. |
| 13 | Kiểm tra đánh giá giữa kì I | **1** | - Đánh giá lại quá trình tiếp thu kiến thức và kĩ năng của học sinh ở 3 mức độ nhận thức: Nhận biết, thông hiểu, và vận dụng. |
| 14 | Bài 11: Quá trình nội sinh và quá trình ngoại sinh. Hiện tượng tạo núi | **1** | - Phân biệt được quá trình nội sinh và quá trình ngoại sinh; núi già và núi trẻ. - Trình bày được tác động đồng thời của quá trình nội sinh và quá trình ngoại sinh trong hiện tượng tạo núi. - Nhận biết một số dạng địa hình do quá trình nội sinh, ngoại sinh tạo thành qua hình ảnh.- Phân tích hình ảnh để trình bày được hiện tượng tạo núi.- Biết tôn trọng quy luật của tự nhiên. |
| 15 | Bài 12: Núi lửa và động đất | **1** | - Trình bày được nguyên nhân hình thành núi lửa, cấu tạo của núi lửa, biểu hiện trước khi núi lửa phun trào và hậu quả do núi lửa gây ra. - Trình bày được thế nào là động đất, nguyên nhân gây ra động đất, dấu hiệu trước khi xảy ra động đất và hậu quả do động đất gây ra. - Biết tìm kiếm thông tin về các thảm hoạ thiên nhiên do động đất và núi lửa gây ra.- Có kỹ năng ứng phó khi động đất, núi lửa xảy ra.- Biết đồng cảm chia sẻ với những người ở khu vực chịu ảnh hưởng của núi lửa, động đất. |
| 16 | Bài 13: Các dạng địa hình chính trên Trái Đất. Khoáng sản. | **2** | - Nhận biết, trình bày và phân biệt được các dạng địa hình chính trên Trái Đất : núi, đồi, đồng bằng, cao nguyên.- Nhận biết được các dạng địa hình chính của Trái Đất qua hình ảnh, mô hình. - Sử dụng bản đồ tự nhiên thế giới để kể tên một số dãy núi, đồng bằng, cao nguyên lớn trên thế giới.- Kể được tên một số loại khoáng sản; phân biệt được các nhóm khoáng sản dựa vào công dụng. - Có ý thức bảo vệ và sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên khoáng sản. |
| 17 | Bài 14: Thực hành: Đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn và lát cắt địa hình đơn giản | **1** | - Trình bày được khái niệm thế nào là lược đồ địa hình tỉ lệ lớn và lát cắt địa hình. - Củng cố kiến thức, kĩ năng về bản đồ: đường đồng mức, phương hướng trên bản đồ, tỉ lệ bản đồ,... - Đọc được lược đồ địa hình tỉ lệ lớn và lát cắt địa hình đơn giản. |
| 18 | Bài 15: Lớp vỏ khí của Trái Đất. Khí áp và gió | **2** | - Biết được thành phần của không khí gần bề mặt đất.- Hiểu được vai trò của oxy, hơi nước và các khí khác trong khí quyển. - Mô tả được các tầng khí quyển, đặc điểm chính của tầng đối lưu và tầng bình lưu. - Kể tên và nêu được đặc điểm về nhiệt độ, độ ẩm của một số khối khí. - Sử dụng sơ đồ để mô tả các tầng khí quyển, các đai khí áp, gió thường xuyên thổi trên Trái Đất.- Trình bày được sự phân bố các đai khí áp và các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất. - Biết cách sử dụng khí áp kế.- Có ý thức bảo vệ bầu khí quyển và tầng ô-dôn. |
| 19 | Bài 16: Nhiệt độ không khí. Mây và mưa. | **2** | - Biết được nguồn cung cấp nhiệt độ cho Trái Đất.- Trình bày được khái niệm nhiệt độ không khí, sự thay đổi nhiệt độ không khí trên bề mặt Trái Đất theo vĩ độ. - Biết cách sử dụng nhiệt kế, ẩm kế.  - Mô tả được hiện tượng hình thành mây và mưa.- Sử dụng được các bản đồ, sơ đồ, hình ảnh để khai thác kiến thức. |
| 20 | Bài 17: Thời tiết và khí hậu. Biến đổi khí hậu. | **2** | - Hiểu và phân biệt được thời tiết và khí hậu. - Trình bày được khái quát đặc điểm của các đới khí hậu trên Trái Đất. - Quan sát và ghi chép được 1 số yếu tố thời tiết đơn giản- Nêu được một số biểu hiện của biến đổi khí hậu.- Trình bày được một số biện pháp phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu. - Sử dụng được biểu đồ, hình ảnh về biến đổi khí hậu.- Có lối sống tích cực để giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ bầu khí quyển.- Tuyên truyền cho những người xung quanh về tác hại và biện pháp phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu. |
| 21 | Bài 18: Thực hành: Phân tích biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa | **1** | - Phân tích được biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa: dạng biểu đồ, các yếu tố được thể hiện trên biểu đồ.- Xác định được các đại lượng dựa vào trục của hệ tọa độ.- Đọc, khai thác thông tin và rút ra nhận xét về nhiệt độ và lượng mưa của một địa phương được thể hiện trên biểu đồ. |
| 22 | Ôn tập cuối học kỳ I | **1** | - HS nắm được hệ thống KT đã học ở học kì I- Phát huy khả năng sáng tạo, tiếp thu kiến thức 1cách có hệ thống |
| 23 | Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I | **1** | - Củng cố, kiểm tra kiến thức đã học .- Rèn luyện kĩ năng tổng hợp, kĩ năng trình bày bài viết.- Giáo dục tính tự giác, nghiêm túc khi làm bài. |
| 24 | Bài 19: Thủy quyển và vòng tuần hoàn của nước | **1** | - Kể tên được các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển. - Sử dụng biểu đồ để biết các thành phần của thủy quyển.- Biết sử dụng sơ đồ để mô tả vòng tuần hoàn lớn của nước.- Có ý thức sử dụng hợp lý và bảo vệ tài nguyên nước.- Tôn trọng các quy luật tự nhiên trong thủy quyển. |
| 25 | Bài 20: Sông và hồ. Nước ngầm và băng hà. | **2** | - Mô tả được các bộ phận của một dòng sông lớn. Mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với các nguồn cấp nước sông. - Đọc được mô hình hệ thống sông- Có ý thức sử dụng hợp lí và bảo vệ nước sông, hồ, nước ngầm và băng hà. - Nêu được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp nước sông, hồ, nước ngầm và băng hà. - Sử dụng được các hình ảnh để nhận xét và giải thích một vấn đề cần tìm hiểu. |
| 26 | Bài 21: Biển và đại dương | **2** | - Xác định được một số đại dương trên bản đồ thế giới**.**- Nêu được sự khác biệt về nhiệt độ, độ muối giữa vùng biển nhiệt đới và vùng biển ôn đới.- Sử dụng được lược đồ, bản đồ để xác định vị trí các đại dương, dòng biển.- Trình bày được các hiện tượng sóng, thuỷ triều, dòng biển. - Nhận biết được hiện tượng thủy triều qua hình ảnh.- Có ý thức bảo vệ tài nguyên và môi trường |
| 27 | Bài 22: Lớp đất trên Trái Đất. | **2** | - Nêu được khái niệm và các tầng của lớp đất trên Trái Đất.- Nhận biết được các thành phần có trong đất: thành phần khoáng, thành phần hữu cơ, không khí và nước. - Sử dụng được các sơ đồ, biểu đồ để trình bày được các tầng đất và thành phần đất.- Trình bày được một số nhân tố hình thành đất: Đá mẹ, khí hậu, sinh vật, địa hình, thời gian.- Kể được tên và XĐ trên bản đồ một số nhóm đất điển ở vùng nhiệt đới hoặc ôn đới.- Có ý thức sử dụng hợp lí và bảo vệ đất. |
| 28 | Bài 23: Sự sống trên Trái Đất | **1** | - Nêu được sự đa dạng của thế giới sinh vật ở lục địa và đại dương. - Khai thác được các thông tin, kiến thức qua tranh ảnh và sơ đồ. - Yêu thiên nhiên có ý thức bảo vệ sự đa dạng của sinh vật trên Trái Đất. |
| 29 | Bài 24: Rừng nhiệt đới | **1** | - Trình bày được các đặc điểm của rừng nhiệt đới; phân biệt sự khác nhau giữa rừng mưa nhiệt đới và rừng nhiệt đới gió mùa.- Biết tìm kiếm các thong tin về rừng nhiệt đới.- Biết khai thác các thông tin, kiến thức qua tranh ảnh hoặc sơ đồ.- Có lối sống xanh với môi trường, có trách nhiệm bảo vệ rừng. |
| 30 | Bài 25: Sự phân bố các đới thiên nhiên trên Trái Đất | **1** | - Nêu được đặc điểm các đới thiên nhiên trên Trái Đất.- XĐ được trên bản đồ sự phân bố các đới thiên nhiên trên TĐ.- Có ý thức bảo vệ môi trường tự nhiên. |
| 31 | Bài 26: Thực hành: Tìm hiểu môi trường tự nhiên địa phương | **1** | - Biết cách tìm hiểu MTTN qua tài liệu và tham quan địa phương.- Biết cách áp dụng kiến thức đã học để tìm hiểu về một vấn đề cụ thể của địa phương.- Hình thành nhiều năng lực địa lí, giúp các em có trải nghiệm thực tế độc lập và làm việc nhóm giải quyết các vấn đề thực tế, có tư duy tổng hợp, phân tích đánh giá vấn đề.- Bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước; có ý thức, trách nhiệm và hành động cụ thể để bảo vệ thiên nhiên nơi mình sinh sống |
| 32 | Ôn tập giữa học kì II | **1** | - Nhằm ôn tập củng cố cho HS những kiến thức cơ bản về: Nước, đất và sinh vật trên Trái Đất. |
| 33 | Kiểm tra đánh giá giữa kì II | **1** | - HS thể hiện sự phản ánh thực chất quá trình tiếp thu KT trên lớp và quá trình học tập ở nhà của từng em làm cơ sở ĐG chính xác KQ học tập của các em. |
| 34 | Bài 27: Dân số và sự phân bố dân cư trên thế giới | **2** | - Nhận biết được dân số trên thế giới luôn có xu hướng tăng theo thời gian. - Phân bố dân cư và một độ dân số thay đổi theo thời gian và không đều trong không gian, phụ thuộc vào điều kiện kinh tế xã hội cũng như hoàn cảnh tự nhiên.- Rèn kỹ năng đọc biểu đồ quy mô dân số thế giới.- Nhận biết được con người trên thế giới có xu hướng tập trung vào các đô thị khiến cho số đô thị ngày càng nhiều và làm xuất hiện các siêu đô thị.- Xác định được trên bản đồ một số thành phố đông dân nhất TG. |
| 35 | Bài 28: Mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên | **2** | - Nêu được tác động của thiên nhiên lên hoạt động sản xuất, sinh hoạt của con người- Sử dụng được hình ảnh để trình bày một vấn đề cần tìm hiểu.- Trình bày được những tác động chủ yếu của con người tới thiên nhiên Trái Đất.- Phân tích mối quan hệ nhân quả giữa các sự vật hiện tượng.- Yêu thiên nhiên và thấy được trách nhiệm với bản thân, cộng động, đất nước, phát triển kinh tế đi đôi với BVTN môi trường. |
| 36 | Bài 29: Bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các tài nguyên thiên nhiên vì sự phát triển bền vững | **1** | - Hiểu khái niệm và sự cần thiết phải phát triển bền vững.- Nêu được ý nghĩa của việc bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các tài nguyên thiên nhiên vì sự phát triển bền vững.- Rèn các kỹ năng phân tích sơ đồ, trao đổi, phản biện.- Thấy được trách nhiệm và có hành động cụ thể để bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các tài nguyên thiên nhiên. |
| 37 | Ôn tập cuối học kì II | **1** | - HS nắm chắc lại hệ thống kiến thức, những khái niệm địa lí cơ bản- Rèn luyện kỹ năng đọc lược đồ, tranh ảnh tìm ra kiến thức và KT làm bài tập. |
| 38 | Kiểm tra đánh giá cuối học kì II | **1** | - HS thể hiện khả năng nhận thức nắm bắt kiến thức cơ bản - KN tư duy lôgic, sáng tạo tìm ra các mối quan hệ nhân quả trong quá trình làm bài. Giáo dục tính độc lập tự giác. |
| 39 | Bài 30: Thực hành: Tìm hiểu mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên địa phương | **2** | - Học sinh nắm vững được các kiến thức đã học trong chương và gắn kết các kiến thức địa lí đã học với thực tế địa phương.- Biết được mối quan hệ giữa thiên nhiên và con người ở địa phương Bắc Ninh; - Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu cũng như tham quan thực tế địa phương.- Rèn luyện cách viết báo cáo và trình bày vấn đề.- Thêm yêu quê hương, có ý thức trách nhiện với địa phương nơi mình đang sống. |

**2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

Kiểm tra và đánh giá định kì theo kế hoạch chung của Sở GD – ĐT tỉnh Bắc Ninh

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian(1)** | **Thời điểm(2)** | **Yêu cầu cần đạt(3)** | **Hình thức(4)** |
| Giữa Học kỳ 1 | 45 | Tuần 9 | - Đánh giá lại quá trình tiếp thu kiến thức và kĩ năng của học sinh ở 3 mức độ nhận thức: Nhận biết, thông hiểu, và vận dụng. | Tự luận và trắc nghiệm |
| Cuối Học kỳ 1 | 45p | Tuần 16 | - Củng cố, kiểm tra kiến thức đã học .- Rèn luyện kĩ năng tổng hợp, kĩ năng trình bày bài viết.- Giáo dục tính tự giác, nghiêm túc khi làm bài. | Tự luận và trắc nghiệm |
| Giữa Học kỳ 2 | 45p | Tuần 26 | - HS thể hiện sự phản ánh thực chất quá trình tiếp thu KT trên lớp và quá trình học tập ở nhà của từng em làm cơ sở ĐG chính xác KQ học tập của các em. | Tự luận và trắc nghiệm |
| Cuối Học kỳ 2 | 45p | Tuần 33 | - HS thể hiện khả năng nhận thức nắm bắt kiến thức cơ bản - KN tư duy lôgic, sáng tạo tìm ra các mối quan hệ nhân quả trong quá trình làm bài. Giáo dục tính độc lập tự giác. | Tự luận và trắc nghiệm |

**III. Các nội dung khác (nếu có):**

................................................................................................................................................................................................................................

.............................................................................................................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| *…….. , ngày…. tháng ….năm 2023***TỔ/ NHÓM TRƯỞNG CHUYÊN MÔN***(Ký và ghi rõ họ tên)* |  *………., ngày……tháng……năm 2023***HIỆU TRƯỞNG***(Ký, đóng dấu)* |